TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG-TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2019/QĐST-HNGĐ	*Phước Long, ngày 18 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 268/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị U Nh** - sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trần V N** - sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng N.

Chi nhánh H, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn V H (**Theo văn bản ủy quyền số: 58 ngày 05 tháng 3 năm 2019).

Ngân hàng C.

Phòng giao dịch H - chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê V H** (Theo văn bản ủy quyền số: 411 ngày 17 tháng 12 năm 2018).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị U Nh và anh Trần V N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị Phạm Thị U Nh và anh Trần V N thuận tình ly hôn.

2.2 Về con: Chị Nh và anh N thống nhất giao con chung là cháu Trần Thị B Ph sinh ngày 28 tháng 10 năm 2009 cho chị Nh tiếp tục nuôi; Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Chị Nh không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản: Chị Út Nh rút yêu cầu chia theo quy định pháp luật đối với tài sản gồm phần đất nông nghiệp diện tích 7.250m^2 và phần đất có chiều ngang 34m, chiều dài 38m tọa lạc ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để tự thỏa thuận, anh N đồng ý.

2.4 Về nợ:

- Chị Út Nh có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng Giao số tiền nợ gốc 30.000.000đ và lãi suất cho vay là 8,250%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 10,725%/năm theo khế ước số: 713591377 ngày 06 tháng 9 năm 2018 mà các bên ký kết.

- Anh N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 08 tháng 3 năm 2019 là 115.222đ và lãi suất phát sinh kể từ ngày 09 tháng 3 năm 2019 theo hợp đồng tín dụng số: 7204LAV 201703397/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2017 mà các bên ký kết đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

2.5 Về chi phí tố tụng: Chị Nh và anh N mỗi người chịu 1/2 số tiền xem xét thẩm định. Chị Nh đã nộp 1.500.000đ, đã chi cho việc xem xét thẩm định số tiền 850.000đ, chị Nh và anh N mỗi người phải chịu số tiền 425.000đ; Chị Nh được nhận lại 650.000đ tại Tòa án và anh N có nghĩa vụ giao trả cho chị Nh số tiền 425.000đ.

2.6 Về án phí:

- Chị Phạm Thị U Nh có nghĩa vụ chịu án phí Hôn nhân Gia đình là 150.000đ và án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 750.000đ; Chị Phạm Thị U Nh đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.237.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014275 ngày 03 tháng 12 năm 2018, chuyển thu án phí số tiền 900.000đ, chị Nh được nhận lại số tiền 2.337.000đ.

- Anh N có nghĩa vụ chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 253.000đ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHAN THỊ ĐANG